

500 TỪ KHÓA TẠO VIDEO GIÁO DỤC AI

Từ ảnh tĩnh đến video sống động, đúng mục tiêu bài học

Tài liệu

20 nhóm kỹ thuật × 25 từ khóa = đúng 500 từ khóa. Bao gồm phong cách, 3D, mô phỏng, camera, ánh sáng, chuyển cảnh, infographic, khóa đồng nhất, quảng cáo giáo dục và hậu kỳ.

Quy trình 2 bước

- **Bước 1** tạo ảnh keyframe chuẩn nội dung.
- **Bước 2** dùng ảnh đó làm Start Frame và thêm từ khóa chuyển động để tạo video.

Ví dụ thực hành

Ví dụ cụ thể cho Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT. Các ví dụ SGK phổ thông chủ yếu đối chiếu với bộ Kết nối tri thức với cuộc sống.

Dùng tốt với các công cụ image-to-video và text-to-video phổ biến. Khi nền tảng có mục Start Frame / Reference Image / Image-to-Video, ưu tiên đưa ảnh keyframe vào trước.

1. CÁCH DÙNG TÀI LIỆU

Nguyên tắc cốt lõi: khóa nội dung trước, rồi mới thêm chuyển động.

Với video giáo dục, hình ảnh đẹp không được làm sai kiến thức.

BƯỚC	MỤC TIÊU	THỰC HIỆN
1	SOURCE LOCK	Dán nội dung bài học hoặc tóm tắt kiến thức. Yêu cầu AI chỉ dùng nguồn bạn cung cấp, không tự thêm công thức, nhãn, sự kiện hay số liệu.
2	IMAGE KEYFRAME	Tạo một ảnh rõ chủ thể, bố cục, số lượng vật thể, màu sắc và mối quan hệ khoa học. Ảnh này là “neo” để giữ video ổn định.

3	VIDEO MOTION	Giữ nguyên ảnh. Thêm chuyển động camera, chuyển động vật thể, hiệu ứng, tốc độ, âm thanh và khóa đồng nhất. Chỉ animate những gì đã có.
---	--------------	---

CÔNG THỨC PROMPT ẢNH

MASTER IMAGE PROMPT

Tạo ảnh giáo dục [TỶ LỆ] cho [MÔN - LỚP - TÊN BÀI]. SOURCE LOCK: chỉ dùng nội dung tôi cung cấp. Cảnh phải thể hiện chính xác [KIẾN THỨC TRONG TÂM]. Chủ thể: [NHÂN VẬT/VẬT THỂ]. Bối cảnh: [BỐI CẢNH]. Bố cục: [GÓC MÁY]. Phong cách: [3-6 TỪ KHÓA NHÓM 1-10]. Ánh sáng: [NHÓM 13]. Độ chính xác: scientific accuracy lock / formula lock / object count lock khi cần. Không watermark, không logo, không chữ ngoài yêu cầu, không thêm chi tiết sai nguồn.

CÔNG THỨC PROMPT VIDEO TỪ ẢNH

MASTER IMAGE-TO-VIDEO PROMPT

Use the supplied image as the exact Start Frame. Preserve all subjects, quantities, colors and layout. Animate only: [CHUYỂN ĐỘNG CHÍNHH]. Camera: [1-2 TỪ KHÓA NHÓM 11-12]. Object motion: [NHÓM 14]. Transition/effect: [NHÓM 15-16]. Timing: [6-12 seconds]. Keep [CHARACTER / OBJECT / SCIENCE / FORMULA / TERMINOLOGY] locked. Natural physics, smooth motion, cinematic 4K. No new text, no new objects, no morphing, no identity drift, no scientific errors.

MẸO GHÉP TỪ KHÓA

- **Video khoa học:** Scientific visualization + 1 cơ chế mô phỏng + 1 góc máy + Scientific accuracy lock.
- **Video Toán:** clean visual hierarchy + đúng số lượng + transformation/partition/graph keyword + static hoặc slow camera.
- **Video Ngữ văn/Lịch sử:** Historical reenactment hoặc Dramatic storybook scene + period accuracy + character emotion + slow cinematic camera.
- **Video tiểu học:** Soft 3D characters + large clear objects + playful motion + minimal background clutter.

2. THƯ VIỆN ĐÚNG 500 TỪ KHÓA

Cấu trúc: 20 nhóm, mỗi nhóm 25 từ khóa. Các từ khóa giữ bằng tiếng Anh vì phần lớn mô hình video hiểu thuật ngữ kỹ thuật này ổn định hơn.

1. PHONG CÁCH HÌNH ẢNH GIÁO DỤC

1. Educational cinematic	2. Documentary realism	3. Animated explainer	4. 3D educational animation	5. 2.5D layered illustration
6. Stylized classroom diorama	7. Textbook-to-life visualization	8. Museum exhibit style	9. Scientific visualization	10. Infographic animation
11. Isometric education scene	12. Miniature learning world	13. Paper-cut educational art	14. Claymation learning style	15. Watercolor learning illustration
16. Chalkboard animation	17. Whiteboard animation	18. Flat vector education	19. Low-poly learning world	20. Realistic classroom photography
21. Cinematic reenactment	22. Child-friendly cartoon	23. Stop-motion craft style	24. Holographic learning interface	25. Mixed-media collage

2. 3D, VẬT LIỆU VÀ MÔ HÌNH

26. Photorealistic 3D render	27. Stylized 3D render	28. Translucent glass material	29. Clay material	30. Paper texture
31. Glossy plastic material	32. Brushed metal material	33. Natural wood material	34. Stone texture	35. Realistic water material
36. Gel material	37. Foam material	38. Fabric texture	39. Ceramic material	40. Organic tissue material
41. Cutaway 3D model	42. Exploded 3D model	43. Cross-section model	44. Transparent body model	45. X-ray visualization
46. Miniature diorama	47. Macro material detail	48. Physically based rendering	49. Subsurface scattering	50. Ray-traced reflections

3. MÔ PHỎNG KHOA HỌC

51. Molecular motion	52. Particle diffusion	53. Brownian motion	54. Fluid simulation	55. Convection currents
56. Heat transfer visualization	57. Wave propagation	58. Light refraction simulation	59. Light reflection simulation	60. Magnetic field lines
61. Electric field lines	62. Gravity visualization	63. Pressure field visualization	64. Buoyancy simulation	65. Force vector animation
66. Torque visualization	67. Energy transfer animation	68. Ecosystem energy flow	69. Food chain flow	70. Photosynthesis pathway
71. Water cycle simulation	72. Volcanic eruption simulation	73. Earthquake wave simulation	74. Plate tectonics motion	75. Weather system animation

4. TRÁI ĐẤT, ĐỊA LÝ VÀ TỰ NHIÊN

76. Satellite view	77. Aerial topography	78. Terrain flyover	79. Geological strata reveal	80. Earth cross-section
81. Continental drift timelapse	82. River formation animation	83. Erosion simulation	84. Deposition animation	85. Cloud formation
86. Rainfall cycle	87. Ocean current visualization	88. Monsoon flow	89. Day-night rotation	90. Seasonal orbit animation
91. Lunar phase sequence	92. Solar system scale view	93. Volcano cutaway	94. Tectonic fault reveal	95. Seismic wave propagation
96. Mountain formation	97. River delta formation	98. Coastal erosion	99. Watershed animation	100. Climate map morph

5. SINH HỌC VÀ GIẢI PHẪU

101. Cell membrane zoom	102. Organelle fly-through	103. DNA double helix	104. Chromosome replication	105. Mitosis animation
106. Meiosis animation	107. Cellular respiration flow	108. Blood circulation path	109. Respiratory airflow	110. Digestive journey
111. Neuron signal propagation	112. Synapse transmission	113. Muscle contraction	114. Skeletal joint motion	115. Plant vascular flow
116. Stomata opening	117. Root water absorption	118. Pollination close-up	119. Seed germination timelapse	120. Flower anatomy
121. Ecosystem microhabitat	122. Transparent anatomy	123. Anatomical cutaway	124. Microscopic biome	125. Pathogen-host interaction

6. HÓA HỌC VÀ THÍ NGHIỆM

126. Atom model visualization	127. Electron cloud visualization	128. Periodic table morph	129. Ionic bonding animation	130. Covalent bonding animation
131. Reaction collision model	132. Acid-base neutralization	133. Precipitation reaction	134. Gas evolution reaction	135. Color change reaction
136. Crystal growth timelapse	137. Dissolution simulation	138. Solvation shell	139. Electrolysis animation	140. Redox electron transfer
141. Combustion visualization	142. Reaction energy profile	143. Molecular geometry rotation	144. Crystal lattice structure	145. Distillation process
146. Filtration process	147. Chromatography separation	148. Titration endpoint	149. Lab apparatus assembly	150. Safe lab demonstration

7. TOÁN HỌC TRỰC QUAN

151. Number blocks	152. Place value animation	153. Regrouping animation	154. Fraction partition	155. Decimal grid
156. Percentage bar	157. Animated number line	158. Coordinate plane animation	159. Geometry construction	160. Angle sweep
161. Symmetry fold	162. Area decomposition	163. Volume stacking	164. Translation transformation	165. Rotation transformation
166. Reflection transformation	167. Scaling transformation	168. Graph plotting	169. Function curve reveal	170. Probability simulation
171. Data chart morph	172. Pattern sequence	173. Algebra balance scale	174. Equation step animation	175. Spatial reasoning visualization

8. TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

176. Data packet flow	177. Binary stream animation	178. Input-process-output	179. CPU pipeline	180. Memory hierarchy
181. Network topology	182. Secure connection tunnel	183. Firewall shield animation	184. Phishing alert simulation	185. Password strength visualization
186. Encryption lock animation	187. Cloud synchronization	188. Database flow	189. Algorithm flowchart	190. Sorting algorithm animation
191. Search algorithm visualization	192. User interface walkthrough	193. Drag-and-drop interaction	194. File system hierarchy	195. Sensor data visualization
196. AI neural network	197. Robotics control loop	198. Coding logic animation	199. Augmented reality overlay	200. Cybersecurity threat map

9. LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ NGŨ VĂN

201. Historical reenactment	202. Period-accurate costume	203. Ancient map animation	204. Timeline scroll	205. Archival paper texture
206. Manuscript reveal	207. Scroll unfolding	208. Ink illustration animation	209. Character dialogue tableau	210. Dramatic storybook scene
211. Literary symbolism	212. Scene reconstruction	213. Old village atmosphere	214. Traditional architecture	215. Artifact rotation
216. Museum display	217. Battle map animation	218. Trade route visualization	219. Dynasty timeline	220. Cultural festival reconstruction
221. Folk tale animation	222. Poetic visual metaphor	223. Narrative montage	224. Character emotion close-up	225. Page-to-scene transition

10. PHONG CÁCH THÂN THIỆN TIỂU HỌC

226. Bright educational palette	227. Rounded shapes	228. Soft 3D characters	229. Friendly mascot	230. Sticker animation
231. Toy-like miniature	232. Colorful learning blocks	233. Bouncing icons	234. Playful pop-up	235. Reward stars
236. Confetti celebration	237. Gentle sparkle	238. Hand-drawn doodles	239. Classroom adventure	240. Treasure map learning
241. Game quest style	242. Cartoon cutaway	243. Simple visual hierarchy	244. Large clear objects	245. Minimal background clutter
246. Expressive gestures	247. Safe friendly environment	248. Warm daylight	249. Cheerful motion	250. Storybook transitions

11. CHUYỂN ĐỘNG CAMERA

251. Slow dolly in	252. Dolly out	253. Orbit camera	254. 360-degree orbit	255. Crane up
256. Crane down	257. Tilt up	258. Tilt down	259. Pan left	260. Pan right
261. Push-in camera	262. Pull-back reveal	263. Rack focus	264. Parallax slide	265. Gentle handheld
266. Top-down descend	267. Macro push-in	268. Camera fly-through	269. FPV glide	270. Tracking shot
271. Follow shot	272. Arc shot	273. Reveal from behind object	274. Zoom burst	275. Static lock-off shot

12. GÓC MÁY VÀ BỐ CỤC

276. Extreme close-up	277. Macro close-up	278. Close-up shot	279. Medium close-up	280. Medium shot
281. Medium wide shot	282. Wide shot	283. Extreme wide shot	284. Top-down view	285. Bird's-eye view
286. Worm's-eye view	287. Eye-level shot	288. Low-angle shot	289. High-angle shot	290. Over-the-shoulder shot
291. Point-of-view shot	292. Symmetric composition	293. Centered hero composition	294. Rule of thirds	295. Leading lines
296. Frame within frame	297. Shallow depth of field	298. Deep focus	299. Split-screen educational	300. Cutaway cross-section shot

13. ÁNH SÁNG

301. Soft daylight	302. Golden hour light	303. Cool daylight	304. Classroom softbox lighting	305. High-key lighting
306. Low-key lighting	307. Rim lighting	308. Backlight glow	309. Volumetric light rays	310. God rays
311. Laboratory neutral lighting	312. Museum spotlight	313. Moonlight	314. Underwater caustics	315. Bioluminescent glow
316. Neon interface lighting	317. Warm ambient light	318. Cool ambient light	319. Dramatic contrast lighting	320. Soft diffused light
321. HDR balanced lighting	322. Bounce lighting	323. Reflective highlights	324. Subsurface glow	325. Scientific color-coded illumination

14. CHUYỂN ĐỘNG VẬT THỂ

326. Slow motion	327. Super slow motion	328. Time-lapse	329. Hyperlapse	330. Speed ramp
331. Freeze frame	332. Looped motion	333. Smooth easing	334. Elastic bounce	335. Kinetic pop-up
336. Floating motion	337. Levitation effect	338. Falling assembly	339. Exploded view motion	340. Assemble-to-whole
341. Disassemble-to-parts	342. Spiral motion	343. Orbiting particles	344. Wave motion	345. Pulsating glow
346. Breathing motion	347. Morph animation	348. Match-motion transition	349. Seamless loop	350. Synchronized motion

15. CHUYỂN CẢNH

351. Match cut	352. Whip-pan transition	353. Zoom-through transition	354. Portal transition	355. Object wipe
356. Light flash transition	357. Particle dissolve	358. Ink-spread transition	359. Paper-tear transition	360. Page-turn transition
361. Liquid wipe	362. Smoke dissolve	363. Cloud dissolve	364. Geometric wipe	365. Line-draw reveal
366. Sketch-to-real transition	367. Blueprint-to-3D transition	368. X-ray transition	369. Macro-to-wide transition	370. Map-to-location transition
371. Timeline transition	372. Cross-section reveal	373. Before-after morph	374. Day-night morph	375. Concept-to-example transition

16. HIỆU ỨNG HÌNH ẢNH

376. Particle burst	377. Sparkle dust	378. Light trails	379. Energy pulse	380. Hologram effect
381. Glow outline	382. Rim glow	383. Heat shimmer	384. Steam effect	385. Mist effect
386. Volumetric fog	387. Dust motes	388. Bubble field	389. Water splash	390. Droplet trails
391. Ink diffusion	392. Powder burst	393. Leaf swirl	394. Petal drift	395. Snow particles
396. Rain streaks	397. Lightning flash	398. Shockwave ring	399. Ripple effect	400. Aura field

17. INFOGRAPHIC VÀ SƠ ĐỒ ĐỘNG

401. Animated labels	402. Callout lines	403. Numbered steps	404. Color-coded arrows	405. Animated legend
406. Icon sequence	407. Process flow animation	408. Circular cycle animation	409. Timeline animation	410. Comparison split-screen
411. Before-after panel	412. Cause-effect arrows	413. Hierarchy tree	414. Concept map	415. Mind map reveal
416. Layered diagram	417. Map labels	418. Data counter	419. Progress meter	420. Animated chart
421. Bar chart growth	422. Line graph draw	423. Pie chart assembly	424. Heatmap reveal	425. Dashboard motion

18. KHÓA ĐỒNG NHẤT VÀ ĐỘ CHÍNH XÁC

426. Character identity lock	427. Costume lock	428. Face consistency	429. Hairstyle lock	430. Voice identity lock
431. Prop lock	432. Environment lock	433. Background lock	434. Camera language lock	435. Color palette lock
436. Lighting continuity	437. Scale consistency	438. Object count lock	439. Anatomy accuracy lock	440. Scientific accuracy lock
441. Terminology lock	442. Formula lock	443. Text-free scene	444. No watermark	445. No logo
446. No unintended text	447. No extra fingers	448. No object morphing	449. Temporal consistency	450. Scene continuity

19. QUẢNG CÁO GIÁO DỤC VÀ GIỚI THIỆU APP

451. Course launch trailer	452. Educational product hero shot	453. App interface reveal	454. Screen mockup animation	455. Feature highlight
456. Benefit callout	457. Before-after workflow	458. Teacher transformation montage	459. Classroom success montage	460. Student engagement montage
461. Certificate reveal	462. Toolkit spread	463. Ebook stack reveal	464. Bonus pack reveal	465. Icon burst
466. Countdown opener	467. Kinetic headline	468. Premium title reveal	469. Social proof montage	470. Testimonial card motion
471. Call-to-action end frame	472. Brand color sweep	473. Vertical short-form ad	474. Hook-first opener	475. Fast-paced commercial edit

20. CHẤT LƯỢNG, ÂM THANH VÀ HẬU KỲ

476. Cinematic 4K	477. Ultra-sharp detail	478. High dynamic range	479. Realistic motion blur	480. Natural physics
481. Smooth 24fps motion	482. Crisp 30fps motion	483. Fluid 60fps look	484. Cinematic depth of field	485. Filmic color grade
486. Clean educational color grade	487. Broadcast quality	488. Studio sound design	489. Ambient soundscape	490. Synchronized Foley
491. Whoosh accent	492. Impact hit	493. Subtle riser	494. Transition swoosh	495. Clean Vietnamese voiceover
496. Vietnamese lip sync	497. Child voice	498. Teacher voice	499. Sound-effect synchronization	500. Music ducking under dialogue

3. BỘ TỪ KHÓA MẪU THEO MỤC TIÊU

Mô phỏng KHTN 6-9	Scientific visualization, cutaway 3D model, force vector animation, particle diffusion, camera fly-through, slow dolly in, scientific accuracy lock, terminology lock, cinematic 4K.
Video Sinh học	Transparent anatomy, organelle fly-through, plant vascular flow, cell membrane zoom, color-coded scientific arrows, slow orbit camera, temporal consistency.
Video Vật lí	Force vector animation, wave propagation, electric field lines, pressure field visualization, static lock-off shot, natural physics, formula lock.
Video Hóa học	Molecular motion, reaction collision model, electron transfer, crystal lattice structure, macro push-in, laboratory neutral lighting, scientific accuracy lock.
Video Toán	Number blocks, fraction partition, geometry construction, graph plotting, equation step animation, clean educational color grade, object count lock.
Video Địa lí	Terrain flyover, earth cross-section, geological strata reveal, climate map morph, aerial topography, map-to-location transition.
Video Ngữ văn - Lịch sử	Historical reenactment, period-accurate costume, narrative montage, character emotion close-up, cinematic reenactment, ambient soundscape.
Video Tiểu học	Soft 3D characters, bright educational palette, playful pop-up, bouncing icons, reward stars, cheerful motion, large clear objects.
Video giới thiệu APP	Hook-first opener, app interface reveal, screen mockup animation, feature highlight, benefit callout, fast-paced commercial edit, CTA end frame.
Video khóa học giáo viên	Course launch trailer, teacher transformation montage, toolkit spread, ebook stack reveal, social proof montage, premium title reveal, clean Vietnamese voiceover.

4. VÍ DỤ TỪ ẢNH → VIDEO THEO CẤP HỌC

Các prompt dưới đây được viết theo logic Source Lock. Với bài SGK, bạn nên dán thêm trang SGK hoặc phần kiến thức cần dạy vào trước prompt để hệ thống khóa nội dung tuyệt đối.

VÍ DỤ 01 | MẦM NON | Làm quen Toán

Nhận biết hình tròn, hình vuông, hình tam giác và số lượng trong phạm vi 5

Dùng cho hoạt động nhận biết trực quan. Không gắn nhãn là bài SGK vì giáo dục mầm non thực hiện theo chương trình, không dùng một bộ SGK thống nhất.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo hình minh họa giáo dục 16:9 cho trẻ 3-5 tuổi. Bối cảnh lớp học Việt Nam sáng, sạch, thân thiện. Trên thảm có đúng 3 khối lớn: hình tròn đỏ, hình vuông xanh, hình tam giác vàng; bên cạnh là 5 quả bóng giống nhau để trẻ đếm. Soft 3D characters, toy-like miniature, rounded shapes, bright educational palette, large clear objects, minimal background clutter, warm daylight. Không chữ, không số thừa, không thêm vật thể gây nhiễu.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate the exact image. Playful pop-up, gentle bounce, slow dolly in, one shape lights up at a time, then five balls appear one-by-one for counting. Smooth easing, cheerful motion, reward stars at the end, safe friendly environment, 8 seconds, 16:9. Keep object count locked: exactly 3 shapes and 5 balls. No new text, no object morphing.

Từ khóa rút gọn: Soft 3D characters; Toy-like miniature; Playful pop-up; Gentle bounce; Slow dolly in; Object count lock.

VÍ DỤ 02 | TIỂU HỌC - LỚP 3 | Toán

Các số có bốn chữ số. Số 10 000

Ví dụ bám tên bài Toán 3, bộ Kết nối tri thức.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo cảnh học Toán lớp 3, 16:9. Dùng khối giá trị hàng để biểu diễn một số có bốn chữ số: nghìn, trăm, chục, đơn vị. Bố cục rõ ràng, mỗi nhóm tách biệt, màu khác nhau nhưng không ghi đáp án bằng chữ. Number blocks, place value visualization, bright educational palette, isometric education scene, clean background, large clear objects, centered composition.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate the place-value model from left to right: thousands group appears first, then hundreds, tens, ones. Place value animation, kinetic pop-up, smooth easing, top-down to eye-level transition, gentle camera push-in, numbered-step rhythm without visible text, 8 seconds. Preserve quantities exactly and never change the block count after it appears.

Từ khóa rút gọn: Number blocks; Place value animation; Kinetic pop-up; Smooth easing; Push-in camera; Object count lock

VÍ DỤ 03 | TIỂU HỌC - LỚP 5 | Toán

Ôn tập phân số

Ví dụ bám Bài 3 Toán 5, bộ Kết nối tri thức.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo minh họa Toán 5 về phân số. Một hình tròn chia thành 8 phần bằng nhau, tô màu đúng 3 phần; một thanh chữ nhật chia thành 6 phần bằng nhau, tô màu đúng 1 phần. Fraction partition, clean educational infographic, flat vector education, symmetric composition, high contrast, no decorative clutter. Không viết phân số trên hình.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate each whole being partitioned into equal parts, then selected parts fill with color. Fraction partition, line-draw reveal, smooth easing, macro close-up, concept-to-example transition, 8 seconds. Equal partitions must remain geometrically exact. No labels or equations until the teacher adds them later.

Từ khóa rút gọn: Fraction partition; Line-draw reveal; Concept-to-example transition; Geometry accuracy; Macro close-up.

VÍ DỤ 04 | TIỂU HỌC - LỚP 4 | Khoa học

Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên

Ví dụ bám Bài 2 Khoa học 4, bộ Kết nối tri thức: bay hơi, ngưng tụ, mưa và nước trở về sông, hồ, biển.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình giáo dục 3D 16:9 về vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên. Có biển, mặt trời, mây, núi, sông và mưa. Thể hiện bằng hình ảnh rõ đường đi của nước từ mặt nước lên không khí, ngưng tụ thành mây, rơi xuống thành mưa và chảy về sông biển. Educational cinematic, miniature learning world, water material, cloud formation, clean scientific visualization. Không chèn chữ.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate the exact scene as a continuous cycle: sunlight warms the sea, water vapor rises, clouds form, droplets grow and rain falls, runoff returns to rivers and sea. Water cycle simulation, fluid simulation, cloud formation, rainfall cycle, circular cycle animation, slow orbit camera, gentle time-lapse, 12 seconds. Scientific accuracy lock, no extra weather events.

Từ khóa rút gọn: Water cycle simulation; Fluid simulation; Cloud formation; Rainfall cycle; Circular cycle animation; Scientific accuracy lock.

VÍ DỤ 05 | THCS - LỚP 6 | Tin học

Bài 1. Thông tin và dữ liệu

Ví dụ bám Tin học 6, bộ Kết nối tri thức. Trọng tâm: phân biệt thông tin, dữ liệu và vật mang tin; thấy vai trò của thông tin.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo cảnh học Tin học lớp 6, 16:9. Một học sinh quan sát cùng lúc: màn hình máy tính có biểu tượng thời tiết, quyền sách, loa phát âm thanh và biển báo giao thông. Tập trung vào việc các vật mang tin cung cấp dữ liệu để người học nhận được thông tin. Realistic classroom photography, clean infographic overlay, large clear objects, no readable text, no brand logos.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate a simple information path: camera focuses on each carrier, visual data particles move toward a neutral 'brain/understanding' icon, then connect into one clear information concept. Data packet flow, input-process-output, animated labels replaced by icons only, callout lines, smooth camera pan, concept-to-example transition, 10 seconds. No technical content beyond the source concept.

Từ khóa rút gọn: Data packet flow; Input-process-output; Callout lines; Smooth camera pan; Concept-to-example transition; Terminology lock.

VÍ DỤ 06 | THCS - LỚP 6 | Lịch sử và Địa lí

Bài 12. Núi lửa và động đất

Ví dụ bám Địa lí 6, bộ Kết nối tri thức, Chương 3 về cấu tạo Trái Đất và vỏ Trái Đất.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình 3D khoa học 16:9 của một khu vực có núi lửa và đứt gãy kiến tạo. Cắt lớp địa hình để thấy magma bên dưới, đường đứt gãy và các lớp đá. Volcano cutaway, geological strata reveal, tectonic fault reveal, earth cross-section, scientific visualization, realistic terrain, no disaster sensationalism, no text.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate in two phases: first magma rises and volcano erupts in a controlled scientific simulation; second, the view shifts to a fault where seismic waves radiate outward. Volcanic eruption simulation, earthquake wave simulation, tectonic fault reveal, seismic wave propagation, terrain flyover, slow dolly in, 12 seconds. Keep the process educational and physically coherent.

Từ khóa rút gọn: Volcano cutaway; Volcanic eruption simulation; Earthquake wave simulation; Seismic wave propagation; Terrain flyover.

VÍ DỤ 07 | THCS - LỚP 7 | Khoa học tự nhiên

Bài 22. Quang hợp ở thực vật

Ví dụ bám KHTN 7, bộ Kết nối tri thức. Thể hiện lá là cơ quan quang hợp chủ yếu, ánh sáng, nước, carbon dioxide và oxygen.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô phỏng sinh học 16:9: một cây xanh, phóng to lát cắt lá và lục lạp. Ánh sáng chiếu vào lá; nước đi từ rễ lên lá; khí carbon dioxide đi vào lá; oxygen đi ra. Scientific visualization, plant vascular flow, cell organelle zoom, transparent cutaway, color-coded scientific arrows without text, clean educational background.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate the pathway in sequence: root water absorption, water transport upward, sunlight reaches chloroplasts, carbon dioxide enters leaf, oxygen exits. Photosynthesis pathway, root water absorption, plant vascular flow, stomata opening, organelle fly-through, energy pulse for sunlight, 12 seconds. Scientific accuracy lock. Do not invent extra products or reactions beyond the lesson scope.

Từ khóa rút gọn: Photosynthesis pathway; Root water absorption; Plant vascular flow; Stomata opening; Organelle fly-through; Scientific accuracy lock.

VÍ DỤ 08 | THCS - LỚP 8 | Khoa học tự nhiên

Bài 15. Áp suất trên một bề mặt

Ví dụ bám KHTN 8, bộ Kết nối tri thức. Trọng tâm: áp lực, áp suất và tác dụng của việc tăng hoặc giảm diện tích bị ép.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình trực quan 16:9 so sánh cùng một vật nặng đặt trên hai bề mặt tiếp xúc khác nhau: một mặt rộng và một mặt hẹp. Bên dưới là lớp cát hoặc xốp để thấy mức lún khác nhau. Force vector animation style, pressure field visualization, split-screen educational, clean laboratory setup, no formula text.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate both cases simultaneously: identical downward force vectors appear, then the narrow contact area sinks deeper while the wider area sinks less. Pressure field visualization, force vector animation, comparison split-screen, slow motion, static lock-off shot, 8 seconds. Keep mass and force identical in both cases; only contact area changes.

Từ khóa rút gọn: Pressure field visualization; Force vector animation; Comparison split-screen; Static lock-off; Scientific accuracy lock.

VÍ DỤ 09 | THCS - LỚP 8 | Ngữ văn

Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng

Ví dụ bám văn bản trong Ngữ văn 8, bộ Kết nối tri thức. Tập trung tái hiện bối cảnh lịch sử và tâm trạng nhân vật, không thay lời văn SGK.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo cảnh minh họa lịch sử 16:9 tại bến Bình Than thời Trần. Nhân vật thiếu niên Trần Quốc Toản đứng trên bờ, trang phục thời Trần phù hợp, phía xa là bến sông và không khí hội bàn việc nước. Historical reenactment, period-accurate costume, traditional architecture, character emotion close-up, cinematic reenactment, muted historical color palette. Không chữ, không cờ hiện đại.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate a restrained literary reenactment: slow dolly in toward the young character, subtle hand tension around an orange, then rack focus to the distant gathering at the river. Historical reenactment, character emotion close-up, slow dolly in, rack focus, narrative montage, ambient river sound, 10 seconds. Do not add dialogue or events not supplied by the lesson source.

Từ khóa rút gọn: Historical reenactment; Period-accurate costume; Character emotion close-up; Slow dolly in; Rack focus; Narrative montage.

VÍ DỤ 10 | THPT - LỚP 10 | Hóa học

Bài 1. Thành phần của nguyên tử

Ví dụ bám Hóa học 10, bộ Kết nối tri thức: nguyên tử gồm hạt nhân và lớp vỏ; proton, neutron, electron.

BƯỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình khoa học 3D 16:9 minh họa nguyên tử theo kiểu giáo dục: hạt nhân ở trung tâm gồm proton và neutron, vùng electron ở bên ngoài. Scientific visualization, atom model visualization, transparent layers, color-coded particles, high contrast laboratory neutral lighting, no element-specific electron count, no text labels.

BƯỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate a scale-aware conceptual zoom: start from a small material sample, zoom toward one atom, reveal nucleus and electron region, then isolate proton, neutron and electron as three particle types. Atom model visualization, macro push-in, cross-section reveal, particle orbit motion, smooth easing, 10 seconds. Keep this conceptual, not a claim that electrons move in fixed planetary orbits.

Từ khóa rút gọn: Atom model visualization; Macro push-in; Cross-section reveal; Particle motion; Scientific accuracy lock.

VÍ DỤ 11 | THPT - LỚP 10 | Sinh học

Bài 7. Tế bào nhân sơ

Ví dụ bám Sinh học 10, bộ Kết nối tri thức, phần Sinh học tế bào.

BUỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình 3D khoa học của tế bào nhân sơ, 16:9. Dùng lát cắt trong suốt để thấy màng sinh chất, tế bào chất, vùng vật chất di truyền và các cấu trúc chính ở mức SGK. Transparent anatomy style, microscopic biome, cross-section model, scientific color coding, clean background, no labels.

BUỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate a microscope-to-cell journey: camera flies from microscopic field to one prokaryotic cell, then performs a transparent cutaway and sequentially highlights major structures. Camera fly-through, transparent body model, cross-section reveal, callout-line motion without text, slow orbit camera, 12 seconds. Structure count and morphology remain stable across frames.

Từ khóa rút gọn: Microscopic biome; Cross-section model; Camera fly-through; Transparent body model; Slow orbit camera; Temporal consistency.

VÍ DỤ 12 | THPT - LỚP 11 | Vật lí

Bài 17. Khái niệm điện trường

Ví dụ bám Vật lí 11, bộ Kết nối tri thức: điện trường tồn tại xung quanh điện tích và truyền tương tác điện; cường độ điện trường mô tả độ mạnh yếu.

BUỚC 1 - PROMPT TẠO ẢNH KEYFRAME

Tạo mô hình vật lí 16:9: một điện tích điểm dương ở trung tâm và các đường sức điện tỏa đều ra ngoài. Có một điện tích thử dương nhỏ tại một vị trí để minh họa hướng lực điện. Electric field lines, scientific visualization, clean dark-blue laboratory background, color-coded vectors, symmetric composition, no equations or text.

BUỚC 2 - PROMPT TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Animate field lines revealing radially from the source charge, then place a small positive test charge at different points and show the force vector direction. Electric field lines, force vector animation, pulsating glow, static lock-off shot, concept-to-example transition, 10 seconds. Preserve sign convention and vector direction consistently.

Từ khóa rút gọn: Electric field lines; Force vector animation; Pulsating glow; Static lock-off; Concept-to-example transition; Scientific accuracy lock.

5. SIÊU FORM COPY-PASTE

Dùng khi bạn muốn tạo hàng loạt video từ nội dung SGK nhưng vẫn giữ quy trình nhất quán.

BƯỚC A - DẪN NỘI DUNG NGUỒN

SOURCE LOCK

Môn: []

Lớp: []

Bộ sách: []

Tên bài: []

Nội dung nguồn: [DẪN NỘI DUNG SGK/GIÁO ÁN]

Mục tiêu cảnh: []

Yêu cầu: chỉ sử dụng kiến thức trong nguồn trên. Nếu chi tiết nào không có trong nguồn thì không tự bổ sung.

BƯỚC B - LỆNH TẠO ẢNH

Dựa 100% trên SOURCE LOCK, tạo 01 ảnh keyframe 16:9 phục vụ video giáo dục. Chọn phong cách phù hợp độ tuổi. Khóa số lượng vật thể, nhân vật, biểu tượng, công thức và thuật ngữ. Bố cục phải cho phép animate rõ ràng. Ưu tiên 4-8 từ khóa từ thư viện: [DẪN TỪ KHÓA]. Không watermark, không logo, không chữ sai, không vật thể thừa.

BƯỚC C - LỆNH TẠO VIDEO TỪ ẢNH

Use the generated image as the exact Start Frame. Keep every object, character, color, scientific relationship and quantity unchanged. Animate only the learning process described in SOURCE LOCK. Camera: []. Motion: []. Effects: []. Duration: [8-12s]. Add natural sound design if suitable. Keep Character Identity Lock, Object Count Lock, Scientific Accuracy Lock, Terminology Lock and Scene Continuity. No new objects, no morphing, no extra text, no watermark, no identity drift.

CẤU TRÚC 8 GIÂY GỢI Ý

- 0.0-1.5s: giữ khung hình đủ lâu để học sinh nhận diện chủ thể.
- 1.5-4.5s: diễn ra cơ chế/chuyển động chính.
- 4.5-6.5s: camera nhấn vào kết quả hoặc mối quan hệ cần học.
- 6.5-8.0s: ổn định ở end frame sạch để giáo viên chèn lời dẫn hoặc câu hỏi.

6. NGUỒN ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG BÀI HỌC

Tài liệu này không sao chép nội dung SGK. Các tên bài và trọng tâm ví dụ được đối chiếu từ chương trình và các nguồn tra cứu SGK để tránh đặt sai chủ đề.

1. Bộ GD&ĐT - Chương trình giáo dục phổ thông 2018: [Mở nguồn](#)
2. Khoa học 4 Kết nối tri thức - Tài liệu tập huấn NXB Giáo dục Việt Nam: [Mở nguồn](#)
3. Khoa học 4 - Bài 2: Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước: [Mở nguồn](#)
4. Tin học 6 - Bài 1: Thông tin và dữ liệu: [Mở nguồn](#)
5. Địa lí 6 - Bài 12: Núi lửa và động đất: [Mở nguồn](#)
6. KHTN 7 - Bài 22: Quang hợp ở thực vật: [Mở nguồn](#)
7. KHTN 8 - Chương Khối lượng riêng và áp suất: [Mở nguồn](#)
8. KHTN 8 - Bài 15: Áp suất trên một bề mặt: [Mở nguồn](#)
9. Ngữ văn 8 - Lá cờ thêu sáu chữ vàng: [Mở nguồn](#)
10. Hóa học 10 - Bài 1: Thành phần của nguyên tử: [Mở nguồn](#)
11. Sinh học 10 - Mục lục SGK Kết nối tri thức: [Mở nguồn](#)
12. Vật lí 11 - Bài 17: Khái niệm điện trường: [Mở nguồn](#)
13. Toán 5 - Bài 3: Ôn tập phân số: [Mở nguồn](#)

Lưu ý sử dụng nội dung SGK

Khi triển khai thực tế, bạn nên khóa đúng bộ sách trường đang sử dụng và dán nội dung bài cần dạy vào SOURCE LOCK. Bộ 500 từ khóa ở đây là lớp kỹ thuật hình ảnh/chuyển động, không thay thế nội dung chuyên môn.

KẾT THÚC

Công thức nên nhớ: Đúng nội dung → Ảnh keyframe rõ → Khóa đối tượng → Thêm chuyển động → Kiểm tra khoa học → Xuất video.